

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 05 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR) Ngày kiểm tra: 30/8/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT01 CBCKTr1: Ký tên:
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết) CBCKTr2: Ký tên:
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.001	201A050046	Nguyễn Trường	An	14/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.05.002	221A210336	Phạm Nguyễn Phương	An	05/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.003	211A010275	Nguyễn Hoàng Duy	An	29/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.05.004	211A110021	Đỗ Văn	Anh	17/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.05.005	221A050021	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	02/01/2004	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.05.006	211A100075	Võ Ngọc Mai	Anh	10/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.007	221A050111	Nguyễn Thị Trâm	Anh	02/05/2004	Đắk Lắk		
8	VHU.TAB1.05.008	221A370827	Dương Huỳnh Văn	Anh	23/06/2004	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.05.009	211A080126	Cô Lương Quốc	Anh	14/11/2003	Lâm Đồng		
10	VHU.TAB1.05.010	221A300231	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	25/01/2004	Khánh Hoà		
11	VHU.TAB1.05.011	211A031100	Trần Ngọc Kim	Anh	20/09/2003	Đồng Nai		
12	VHU.TAB1.05.012	211A030499	Hồ Thị Loan	Anh	18/06/2003	An Giang		
13	VHU.TAB1.05.013	211A030630	Hồ Thị Kim	Anh	16/02/2003	An Giang		
14	VHU.TAB1.05.014	211A030105	Lê Thị Lan	Anh	24/09/2003	Thanh Hoá		
15	VHU.TAB1.05.015	221A360198	Long Quế	Anh	04/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.05.016	221A030546	Nguyễn Thị Vân	Anh	19/02/2004	An Giang		
17	VHU.TAB1.05.017	211A320008	Huỳnh Thị Kim	Anh	16/12/2003	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.05.018	211A300043	Nguyễn Thị Minh	Ánh	19/10/2003	Đắk Lắk		
19	VHU.TAB1.05.019	211A010196	Trần Tấn	Bảo	26/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.020	201A030765	Phạm Ngọc	Bảo	14/08/2002	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.05.021	191A160097	Nguyễn Vũ	Chiến	05/08/2001	Gia Lai		
22	VHU.TAB1.05.022	211A010006	Võ Văn	Công	14/05/2002	Gia Lai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.05.023	211A100083	Mã Phúc	Cường	26/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.05.024	211A030437	Nguyễn Hải	Đăng	23/05/2003	Đồng Tháp		
25	VHU.TAB1.05.025	211A100136	Lê Hoàng Ca	Dao	05/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.026	211A320100	Lâm Ngọc Anh	Đào	18/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.027	171A170057	Phạm Tuấn	Đạt	23/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.05.028	201A010094	Nguyễn Tiến	Đạt	01/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.029	211A040087	Nguyễn Ngọc	Diễm	23/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.030	211A040049	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	06/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.05.031	211A031257	Ngô Thị Ánh	Điệp	26/12/2003	Gia Lai		
32	VHU.TAB1.05.032	211A030943	Đỗ Văn	Dinh	25/10/2003	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.05.033	221A050392	Văn Hạ Đình	Đình	29/08/2004	Vĩnh Long		
34	VHU.TAB1.05.034	201A070031	Nhữ Đình	Đức	30/06/2002	Đắk Lắk		
35	VHU.TAB1.05.035	181A220005	Ngô Anh	Đức	17/05/2000	An Giang		
36	VHU.TAB1.05.036	221A030018	Ngô Phạm Thuý	Dung	01/05/2004	Đắk Lắk		
37	VHU.TAB1.05.037	221A050198	Nguyễn Thị Thuý	Dung	25/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.05.038	201A070169	Lê Huỳnh Thuý	Dung	15/05/2002	Thành phố Cần Thơ		
39	VHU.TAB1.05.039	211A050232	Nguyễn Thị	Dung	01/03/2003	Tây Ninh		
40	VHU.TAB1.05.040	201A080292	Huỳnh Triệu	Duy	06/12/2002	Cà Mau		
41	VHU.TAB1.05.041	211A040236	Đỗ Thị	Duyên	23/07/2003	Thanh Hóa		
42	VHU.TAB1.05.042	211A040187	Lê Thị Mỹ	Duyên	26/11/2003	Vĩnh Long		
43	VHU.TAB1.05.043	211A031461	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	28/09/2003	Gia Lai		
44	VHU.TAB1.05.044	201A170147	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	07/07/2002	Đồng Nai		
45	VHU.TAB1.05.045	201A030718	Vô Thị Ánh	Duyên	20/08/2002	Quảng Ngãi		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 05 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT02
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 30/8/2025
Ký tên:.....
Ký tên:.....

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.046	221A371006	Lê Thị Hà	Giang	07/10/2004	Gia Lai		
2	VHU.TAB1.05.047	221A230516	Thái Hà	Giang	06/06/2004	Quảng Trị		
3	VHU.TAB1.05.048	211A230032	Nguyễn Thị Trúc	Giang	06/09/2003	Đồng Tháp		
4	VHU.TAB1.05.049	191A070110	Nguyễn Trường	Giang	23/04/2001	Ninh Bình		
5	VHU.TAB1.05.050	211A080195	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	22/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.051	211A030608	Huỳnh Văn	Giàu	17/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.052	211A070185	Nguyễn Hồ Hoa	Giấy	02/08/2003	An Giang		
8	VHU.TAB1.05.053	211A230090	Phan Thị Thu	Hà	26/07/2003	Quảng Ngãi		
9	VHU.TAB1.05.054	221A031296	Đoàn Ngọc	Hà	04/08/2004	An Giang		
10	VHU.TAB1.05.055	211A010323	Trần Nguyễn Hoàng	Hải	21/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.056	201A010039	Đoàn Ngọc	Hải	20/07/2002	Khánh Hòa		
12	VHU.TAB1.05.057	191A070017	Lê Huỳnh Trúc	Hân	02/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.05.058	211A100018	Mai Nguyễn Bảo	Hân	16/07/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.059	211A050013	Trần Bùi Ngọc	Hân	16/07/2003	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.05.060	191A240054	Lê Thị	Hân	14/09/1999	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.05.061	211A210006	Lưu Gia	Hân	15/02/2003	Vĩnh Long		
17	VHU.TAB1.05.062	201A230100	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	30/06/2002	Khánh Hoà		
18	VHU.TAB1.05.063	221A040077	Phạm Thị Kiều	Hạnh	28/05/2004	Tây Ninh		
19	VHU.TAB1.05.064	221A040509	Đào Thị Tuyết	Hạnh	22/11/2004	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.05.065	221A050278	Lê Huỳnh Kim	Hạnh	12/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.05.066	221A370297	Trần Văn	Hào	02/02/2004	Gia Lai		
22	VHU.TAB1.05.067	211A210222	Nguyễn Đình	Hậu	21/12/2003	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.05.068	211A031131	Lê Đức	Hậu	25/12/2002	Gia Lai		
24	VHU.TAB1.05.069	211A080174	Cừu Nhân	Hậu	23/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.070	181A070230	Nguyễn Trung	Hậu	16/09/2000	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.05.071	181A030137	Thị Kim	Hậu	05/08/2000	Thành Phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.072	221A370246	Võ Thị Ngọc	Hiền	21/01/2002	Vĩnh Long		
28	VHU.TAB1.05.073	201A040093	Nguyễn Thị Xuân	Hiền	08/01/2002	Khánh Hoà		
29	VHU.TAB1.05.074	201A080387	Nguyễn Hoàng	Hiệp	17/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.075	201A010060	Bùi Thanh	Hiếu	01/01/2002	Đồng Nai		
31	VHU.TAB1.05.076	201A070047	Tạ Duy	Hiếu	20/07/2001	An Giang		
32	VHU.TAB1.05.077	246A030033	Hồ Trần Trọng	Hiếu	11/05/1994	Vĩnh Long		
33	VHU.TAB1.05.078	221A230465	Trần Thị Quỳnh	Hoa	29/08/2004	An Giang		
34	VHU.TAB1.05.079	171a030593	Trần Hào	Hoa	21/07/1998	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.05.080	221A050348	Thái Phạm My	Hoàn	06/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.05.081	231A290112	Trần Việt	Hoàng	15/01/2005	Khánh Hoà		
37	VHU.TAB1.05.082	221A370232	Đoàn Nguyễn Khánh	Hội	05/12/2004	Đồng Nai		
38	VHU.TAB1.05.083	211A030345	Đỗ Thị Bích	Hồng	23/06/2003	Đắk Lắk		
39	VHU.TAB1.05.084	221A030970	Huỳnh Văn Bích	Hợp	16/10/2004	Đắk Lắk		
40	VHU.TAB1.05.085	201A100059	Nguyễn Minh	Huân	15/04/2002	Vĩnh Long		
41	VHU.TAB1.05.086	211A210169	Trần Thu	Hương	26/10/2003	Đồng Nai		
42	VHU.TAB1.05.087	191A070023	Nguyễn Gia	Huy	22/10/2001	Thành Phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.05.088	221A370528	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	20/09/2004	Đồng Nai		
44	VHU.TAB1.05.089	221A320372	Vũ Thanh	Huyền	08/12/2004	Lâm Đồng		
45	VHU.TAB1.05.090	211A030690	Nguyễn Thị Thảo	Huyền	19/06/2003	Gia Lai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 05 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT03
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 30/8/2025
Ký tên:
Ký tên:

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.091	201A030779	Nguyễn Minh	Kha	12/10/2002	Vĩnh Long		
2	VHU.TAB1.05.092	211A240024	Trần Văn	Khải	24/08/2003	Đắk Lắk		
3	VHU.TAB1.05.093	211A230042	Nguyễn Phúc	Khang	18/10/2003	Long An		
4	VHU.TAB1.05.094	221A370072	Trần Ngọc Kim	Khanh	28/10/2004	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.05.095	211A070064	Nguyễn Mai	Khanh	24/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.096	221A040319	Nguyễn Trần Phương	Khanh	06/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.097	211A030936	Đoàn Quốc	Khánh	22/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.05.098	201A010178	Đoàn Minh	Khánh	28/11/2002	Hà Tĩnh		
9	VHU.TAB1.05.099	211A010088	Vương Anh	Khoa	29/09/2003	An Giang		
10	VHU.TAB1.05.100	201A030470	Nông Anh	Khoa	01/10/2002	Cà Mau		
11	VHU.TAB1.05.101	201A080170	Trần Quốc	Kiệt	19/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.102	201A080121	Lê Tuấn	Kiệt	20/04/2002	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.05.103	211A210068	Đinh Thái Thuận	Kiều	24/06/2003	Cà Mau		
14	VHU.TAB1.05.104	211A080089	Nguyễn Thị Kim	Kiều	14/06/2003	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.05.105	221A040479	Lê Thị Thuý	Kiều	10/08/2004	Tây Ninh		
16	VHU.TAB1.05.106	191A210007	Nguyễn Ngọc	Lâm	26/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.107	221A320053	Võ Thị Thuý	Lan	18/07/2004	Tây Ninh		
18	VHU.TAB1.05.108	221A031404	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	04/11/2003	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.05.109	221A310090	Nguyễn Trúc	Linh	30/05/2004	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.05.110	221A320178	Nguyễn Cẩm	Linh	15/11/2004	Cà Mau		
21	VHU.TAB1.05.111	221A050122	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	16/03/2004	Lâm Đồng		
22	VHU.TAB1.05.112	211A030177	Nguyễn Châu Ái	Linh	05/10/2003	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.05.113	201A010156	Mai Hoàng Hiếu	Linh	18/02/2001	Khánh Hòa		
24	VHU.TAB1.05.114	211A010343	Đỗ Phương	Linh	20/08/2003	Đồng Nai		
25	VHU.TAB1.05.115	211A270025	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	18/08/2003	Gia Lai		
26	VHU.TAB1.05.116	211A070016	Trần Ngọc	Linh	04/07/2003	Đồng Nai		
27	VHU.TAB1.05.117	201A030192	Nguyễn Thị	Linh	23/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.05.118	201A220006	Nguyễn Thị Kiều	Linh	11/01/2002	Quảng Ngãi		
29	VHU.TAB1.05.119	201A310026	Nguyễn Vĩ	Lộc	21/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.120	201A080357	Trương Gia	Long	03/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.05.121	201A010105	Lưu Việt	Long	23/04/2002	Cà Mau		
32	VHU.TAB1.05.122	201A030356	Ngô Gia	Long	28/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.05.123	211A030332	Nguyễn Tấn	Lực	20/12/2003	Đắk Lắk		
34	VHU.TAB1.05.124	171a070166	Trần Trà	Ly	06/09/1999	Cà Mau		
35	VHU.TAB1.05.125	211A360017	Trần Thị Xuân	Mai	24/12/2002	Gia Lai		
36	VHU.TAB1.05.126		Lê Xuân	Mai	23/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.05.127	201A310006	Ngô Hải	Mạnh	21/05/2002	Đắk Lắk		
38	VHU.TAB1.05.128	221A370086	Phan Bùi	Marina	28/05/2004	Đắk Lắk		
39	VHU.TAB1.05.129	181A070185	Nguyễn Thị Diệu	Mi	13/08/2000	Lâm Đồng		
40	VHU.TAB1.05.130	181A070083	Đặng Thị Kiều	Mi	19/10/2000	Lâm Đồng		
41	VHU.TAB1.05.131	221A010375	Bùi Đức	Minh	18/08/2004	Tây Ninh		
42	VHU.TAB1.05.132	191A080014	Võ Nhật	Minh	25/10/2001	An Giang		
43	VHU.TAB1.05.133	211A010073	Huỳnh Vĩ	Minh	12/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.05.134	211A030759	Nguyễn Lê Kiều	My	30/01/2003	Khánh Hoà		
45	VHU.TAB1.05.135	221A050761	Lê Thị Diệu	My	25/11/2004	Gia Lai		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 05 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/8/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT04

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.136	221A070248	Phạm Thị Diễm	My	26/06/2004	An Giang		
2	VHU.TAB1.05.137	221A370187	Đỗ Thị Kim	My	29/11/2003	Đắk Lắk		
3	VHU.TAB1.05.138	171A130001	Trần Nguyễn Thảo	My	23/08/1999	Gia Lai		
4	VHU.TAB1.05.139	211A070048	Bùi Thị Ni	Na	25/08/2003	Thành phố Đà Nẵng		
5	VHU.TAB1.05.140	221A030673	Trương Thị Nguyệt	Nga	12/09/2003	Lâm Đồng		
6	VHU.TAB1.05.141	201A070154	Nguyễn Thị	Nga	30/12/2001	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.05.142	221A030358	Huỳnh Kim	Ngân	29/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.05.143	221A070206	Mai Thị Thanh	Ngân	24/04/2004	Đồng Nai		
9	VHU.TAB1.05.144	221A240093	Cao Thị Bích	Ngân	08/05/2004	Gia Lai		
10	VHU.TAB1.05.145	211A140328	Phạm Trần Mỹ	Ngân	27/12/2003	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.05.146	221A030829	Võ Thị Thanh	Ngân	12/12/2004	Đắk Lắk		
12	VHU.TAB1.05.147	221A040580	Nguyễn Thị Kim	Ngân	19/04/2004	Lâm Đồng		
13	VHU.TAB1.05.148	211A040091	Hoàng Thị Tuyết	Ngân	20/09/2003	Khánh Hòa		
14	VHU.TAB1.05.149	221A370653	Lê Thị Kim	Ngân	05/12/2003	Đồng Tháp		
15	VHU.TAB1.05.150	201A050174	Võ Nguyễn Thanh	Ngân	17/04/2002	Gia Lai		
16	VHU.TAB1.05.151	211A070099	Đỗ Kim	Ngân	10/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.152	211a210337	Phạm Thị Kim	Ngân	20/04/2003	Đồng Nai		
18	VHU.TAB1.05.153	221A230073	Lê Thị Thanh	Ngân	23/10/2004	Khánh Hoà		
19	VHU.TAB1.05.154	211A030668	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	16/02/2003	Đắk Lắk		
20	VHU.TAB1.05.155	201A080265	Trần Phan Khánh	Ngân	20/07/2002	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.05.156	201A120001	Đinh Thị	Ngát	05/10/2002	Bắc Ninh		
22	VHU.TAB1.05.157	221A080189	Bùi Hoàng Phương	Nghi	07/07/2004	An Giang		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.05.158	211A030085	Phạm Chí	Nghĩa	02/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.05.159	201A010239	Lê Văn	Nghĩa	26/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.160	201A080004	Lê Trọng	Ngọc	07/09/2000	Đắk Lắk		
26	VHU.TAB1.05.161	201A160125	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	17/10/2002	Tây Ninh		
27	VHU.TAB1.05.162	211A110028	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	27/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.05.163	211A320007	Trương Thị Mỹ	Ngọc	12/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.164	211A080223	Võ Thảo	Nguyên	08/11/2003	Đắk Lắk		
30	VHU.TAB1.05.165	211A030307	Nguyễn Võ Thanh	Nguyên	19/06/2003	Đắk Lắk		
31	VHU.TAB1.05.166	211A030846	Võ Công	Nhã	25/12/2003	Quảng Ngãi		
32	VHU.TAB1.05.167	211A030757	Phạm Chí	Nhân	10/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.05.168	221A230124	Thái Thị Thục	Nhân	10/09/2004	Khánh Hòa		
34	VHU.TAB1.05.169	181A080337	Võ Thành	Nhân	07/04/2000	Khánh Hoà		
35	VHU.TAB1.05.170	191A080096	Bùi Hoàng	Nhạn	22/11/2001	Vĩnh Long		
36	VHU.TAB1.05.171		Đinh Thị Yến	Nhi	05/02/2001	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.05.172	221A040679	Nhan Hoàng Gia	Nhi	22/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.05.173	211A010263	Nguyễn Ngọc Băng	Nhi	17/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.05.174	221A040108	Trần Thị Thuý	Nhi	05/01/2004	An Giang		
40	VHU.TAB1.05.175	241A310002	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	23/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.05.176	221A070056	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	06/07/2004	Đồng Nai		
42	VHU.TAB1.05.177	191A100029	Lý Đặng Linh	Nhi	01/01/2001	Thành Phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.05.178	191A100052	Trương Phùng Lan	Nhi	27/09/2001	Thành Phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.05.179	211A031370	Trần Yến	Nhi	24/10/2003	Lâm Đồng		
45	VHU.TAB1.05.180	211A080242	Ngô Hồng	Nhi	25/04/2003	An Giang		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 05 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT05
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 30/8/2025
Ký tên:
Ký tên:

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.181	201A330025	Vũ Nguyễn Uyên	Nhi	11/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.05.182	201A090003	Trần Thị Yên	Nhi	18/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.183	221A070223	Phan Thị Huỳnh	Như	22/04/2004	Vĩnh Long		
4	VHU.TAB1.05.184	221A320016	Nguyễn Ngô Quỳnh	Như	16/06/2004	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.05.185	221A040094	Lê Thị Kim	Như	26/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.186	201A320033	Võ Thu	Như	17/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.187	221A050307	Tạ Thị Quỳnh	Như	03/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.05.188		Võ Ngọc Yến	Như	06/03/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.189	221A230067	Phạm Huỳnh	Như	14/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.190	201A080195	Trương Quỳnh	Như	08/04/2002	Khánh Hòa		
11	VHU.TAB1.05.191	221A030668	Trần Thị Huỳnh	Như	21/02/2004	An Giang		
12	VHU.TAB1.05.192	211A030931	Nguyễn Thị Ngọc	Như	16/08/2003	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.05.193	221A370600	Lê Thị	Nhung	11/09/2004	Đắk Lắk		
14	VHU.TAB1.05.194	201A030304	Lê Minh	Nhựt	29/06/2002	Cà Mau		
15	VHU.TAB1.05.195	211A040005	Huỳnh Thị Xuân	Nữ	29/06/2003	Thành phố Đà Nẵng		
16	VHU.TAB1.05.196	211A031083	Nguyễn Hoàng Bảo	Ny	05/11/2003	Khánh Hòa		
17	VHU.TAB1.05.197	221A371162	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	03/07/2004	Gia Lai		
18	VHU.TAB1.05.198	221A210474	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	17/11/2004	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.05.199	211A030552	Phan Thanh	Phát	13/01/2003	Tây Ninh		
20	VHU.TAB1.05.200	221A300401	Nguyễn Thị Ngọc	Phi	18/03/2004	Khánh Hòa		
21	VHU.TAB1.05.201	191A100015	Hồ Thái Thanh	Phong	26/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.202	201A080231	Nguyễn Thế	Phong	08/06/2002	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.05.203	211A030362	Lê Phong	Phú	26/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.05.204	201A270005	Đàm Gia	Phú	13/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.205	223A030016	Nguyễn Trọng	Phúc	30/09/2001	An Giang		
26	VHU.TAB1.05.206	211A010401	Trần Hoàng	Phúc	23/06/2003	Đồng Nai		
27	VHU.TAB1.05.207	201A010005	Lê Chí	Phúc	14/02/2000	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.05.208	201A090006	Chung Mỹ	Phúc	29/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.209	181A080110	Võ Hoàng	Phước	04/06/2000	Vĩnh Long		
30	VHU.TAB1.05.210	221A080052	Nguyễn Thị Kim	Phương	03/06/2004	Khánh Hoà		
31	VHU.TAB1.05.211	221A050510	Nguyễn Thị Thu	Phương	01/03/2004	Khánh Hoà		
32	VHU.TAB1.05.212	221A300421	Trần Thị Thanh	Phương	13/06/2004	Đắk Lắk		
33	VHU.TAB1.05.213	151A110171	Trần Yển	Phương	12/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.05.214	221A370092	Lữ Thị Mai	Phương	25/02/2004	Vĩnh Long		
35	VHU.TAB1.05.215	201A080078	Trương Nguyễn Hoàng	Phương	09/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.05.216	211A010241	Trần Minh	Phương	26/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.05.217	241A170384	Võ Phú Quỳnh	Phương	31/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.05.218	211A030973	Đinh Đông	Quân	21/12/2003	Đồng Nai		
39	VHU.TAB1.05.219	201A030281	Đỗ Trần Minh	Quân	11/10/2002	Lâm Đồng		
40	VHU.TAB1.05.220	181A030080	Nguyễn Nhật	Quang	08/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.05.221	223A030017	Nguyễn Vinh	Quang	10/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.05.222	211A031484	Vũ Mạnh	Quảng	04/12/2003	Đắk Lắk		
43	VHU.TAB1.05.223	211A210100	Nguyễn Phú	Quý	01/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.05.224	211A040112	Châu Thị Kim	Quyên	12/12/2003	An Giang		
45	VHU.TAB1.05.225	211A040185	Hồ Thị Kim	Quyên	10/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 05 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/8/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.226	211A030039	Nguyễn Thị Ngọc	Quyền	24/01/2002	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.05.227	211A030374	Phạm Xuân	Quyết	20/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.228	221A320194	Nguyễn Nhật Khánh	Quỳnh	22/02/2004	Khánh Hoà		
4	VHU.TAB1.05.229	221A050247	Nguyễn Thúy	Quỳnh	10/12/2004	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.05.230	211A040258	Phan Thị Ngọc	Quỳnh	13/02/2003	Khánh Hoà		
6	VHU.TAB1.05.231	221A030419	Lê Văn	Sơn	18/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.232	191A070046	Nguyễn Ngọc	Sơn	13/04/2001	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.05.233	221A050304	Nguyễn Hồng	Sương	20/06/2004	Khánh Hòa		
9	VHU.TAB1.05.234	201A010208	Bùi Thanh	Tài	17/07/2002	Quảng Ngãi		
10	VHU.TAB1.05.235	221A370550	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	01/10/2003	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.05.236	221A370967	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	12/01/2004	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.05.237		Nguyễn Tử Minh	Tâm	31/07/1989	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.05.238	221A370097	Phạm Nguyễn Duy	Tân	11/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.239	201A030149	Lê Đồng	Tấn	05/08/2001	Đắk Lắk		
15	VHU.TAB1.05.240	181A070303	Lê Hoàng	Tấn	16/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.05.241	201A100036	Châu Yếu	Tết	16/12/1992	Thành phố Cần Thơ		
17	VHU.TAB1.05.242	201A210051	Cao Thị Kim	Thắm	13/02/2002	Gia Lai		
18	VHU.TAB1.05.243	221A110025	Phan Hữu	Thắng	12/01/2004	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.05.244	211A040116	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	08/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.245	201A210008	Vũ Nguyễn Phương	Thanh	27/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.05.246	171A080229	Ngô Phương	Thanh	18/03/1999	An Giang		
22	VHU.TAB1.05.247	191A080112	Trương Thị Minh	Thanh	21/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.05.248	211A230054	Hoàng Hà	Thanh	26/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.05.249	221A020035	Võ Duy	Thanh	25/07/2004	Đồng Nai		
25	VHU.TAB1.05.250	201A320052	Nguyễn Ngọc	Thanh	28/09/2002	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.05.251	221A210639	Nguyễn Thị Mỹ	Thành	11/02/2004	Quảng Ngãi		
27	VHU.TAB1.05.252	221A050622	Trần Tấn	Thành	03/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.05.253	141A010017	Lữ Bính	Thành	24/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.254	171A070187	Nguyễn Ngọc	Thành	07/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.255	211A070093	Lê Thị	Thảo	20/09/2003	Quảng Trị		
31	VHU.TAB1.05.256	221A050540	Nguyễn Phương	Thảo	14/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.05.257	221A040297	Nguyễn Trần Hương	Thảo	18/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.05.258	221A040365	Huỳnh Thị Thu	Thảo	22/03/2004	Quảng Ngãi		
34	VHU.TAB1.05.259	221A370253	Lê Thị Thu	Thảo	06/05/2004	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.05.260	211A050175	Nguyễn Thanh	Thảo	08/08/2003	Khánh Hoà		
36	VHU.TAB1.05.261	221A050617	Nguyễn Thanh	Thảo	04/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.05.262	211A050174	Lê Đăng Phương	Thảo	18/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.05.263	201A050032	Nguyễn Thanh	Thảo	16/05/2002	An Giang		
39	VHU.TAB1.05.264	201A040007	Trương Thị Thanh	Thảo	01/12/2002	Vĩnh Long		
40	VHU.TAB1.05.265	221A371120	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30/08/2004	Hà Tĩnh		
41	VHU.TAB1.05.266	211A040073	Lê Thị Kim	Thị	12/04/2003	Vĩnh Long		
42	VHU.TAB1.05.267	201A270029	Nguyễn Đình	Thị	23/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.05.268	201A050041	Nguyễn Thị Yến	Thị	21/11/2002	Vĩnh Long		
44	VHU.TAB1.05.269	221A370003	Nguyễn Quốc	Thịnh	19/10/2004	Đồng Nai		
45	VHU.TAB1.05.270	221A140404	Bùi Thị Tuyết	Thơ	03/01/2004	Đồng Tháp		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 05 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT07
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 30/8/2025
Ký tên:
Ký tên:

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.271	211A010083	Phan Huy	Thông	23/03/2003	Vĩnh Long		
2	VHU.TAB1.05.272	201A030519	Huỳnh Hoàng	Thông	07/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.273	211A310021	Lã Thị Hoài	Thu	29/08/2003	Thanh Hoá		
4	VHU.TAB1.05.274	211A330025	Hoàng Thị Anh	Thư	16/06/2003	Thanh Hoá		
5	VHU.TAB1.05.275	221A320219	Lê Thị Minh	Thư	03/04/2004	Vĩnh Long		
6	VHU.TAB1.05.276	221A050603	Nguyễn Thị Minh	Thư	04/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.277	221A030477	Phạm Trần Anh	Thư	21/02/2004	Tây Ninh		
8	VHU.TAB1.05.278	221A030043	Trần Thị Anh	Thư	19/07/2004	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.05.279	211A100099	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	19/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.280	211A030146	Trần Nhựt Minh	Thư	22/12/2003	An Giang		
11	VHU.TAB1.05.281	211A031281	Trần Thị Minh	Thư	13/03/2003	Vĩnh Long		
12	VHU.TAB1.05.282	211A320104	Bùi Thị Anh	Thư	10/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.05.283	221A210462	Võ Mai Minh	Thư	20/05/2004	Thành phố Đà Nẵng		
14	VHU.TAB1.05.284	211A030786	Phạm Nguyễn Anh	Thư	25/12/2003	Khánh Hoà		
15	VHU.TAB1.05.285	221A370191	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	21/01/2004	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.05.286	211A040099	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	07/03/2003	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.05.287	211A080203	Nguyễn Phương	Thy	28/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.05.288	211A050223	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	15/04/2003	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.05.289	201A080016	Đoàn Ngọc Giao	Tiên	16/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.290	211A070039	Phan Thị Cẩm	Tiên	19/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.05.291	211A050311	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	29/09/2003	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.05.292	211A160055	Phạm Ngọc	Tiền	08/03/2003	Bình Định		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.05.293	211A030135	Nguyễn Hoàng	Tiếng	02/07/2003	Thành phố Cần Thơ		
24	VHU.TAB1.05.294	221A030971	Nguyễn Hùng	Tính	31/07/2002	Cà Mau		
25	VHU.TAB1.05.295	191A010103	Nguyễn Thiện	Toàn	06/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.296	201A010211	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	08/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.297		Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	25/04/2003	Vĩnh Long		
28	VHU.TAB1.05.298	201A040101	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	12/08/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.299	181A030580	Trương Thị Bích	Trâm	30/03/2000	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.05.300	221A080247	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	14/06/2004	An Giang		
31	VHU.TAB1.05.301	211A031363	Bùi Ngọc Kiều	Trang	07/08/2003	Đồng Tháp		
32	VHU.TAB1.05.302	211A040259	Nguyễn Võ Huyền	Trang	01/02/2003	Khánh Hòa		
33	VHU.TAB1.05.303	211A210320	Lê Thị Thuý	Trang	18/10/2003	Lâm Đồng		
34	VHU.TAB1.05.304	201A030220	Nguyễn Thị	Trang	23/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.05.305	211A210297	Cao Thanh	Trang	20/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.05.306	141A010016	Lê Minh	Trí	20/10/1996	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.05.307	211A010185	Nguyễn Văn	Trí	03/04/2003	Khánh Hoà		
38	VHU.TAB1.05.308	211A031386	Võ Đoan	Trình	27/05/2003	Vĩnh Long		
39	VHU.TAB1.05.309	211A070133	Phan Thị Ngọc	Trình	19/02/2003	An Giang		
40	VHU.TAB1.05.310	221A050502	Lê Thị Ngọc	Trình	14/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.05.311	221A370087	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	21/06/2004	Khánh Hòa		
42	VHU.TAB1.05.312	211A040004	Bùi Thị Thanh	Trúc	27/10/2003	Tây Ninh		
43	VHU.TAB1.05.313	201A170166	Hồ Thị Thanh	Trúc	01/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.05.314	201A030039	Trần Thị Thanh	Trúc	20/06/2002	Tây Ninh		
45	VHU.TAB1.05.315	221A030081	Võ Trung	Trực	21/12/2004	Tây Ninh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 05 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT08
Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 30/8/2025
Ký tên:
Ký tên:

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.316	231A360197	Nguyễn Văn Hoàng	Trung	01/03/2005	Lâm Đồng		
2	VHU.TAB1.05.317	211A031208	Nguyễn Quang	Trường	09/02/2003	Đồng Nai		
3	VHU.TAB1.05.318	221A050082	Phạm Văn Tuấn	Tú	16/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.05.319	211A040104	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	16/08/2003	Đắk Lắk		
5	VHU.TAB1.05.320	171A170013	Vũ Mạnh	Tuấn	04/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.321	221A080086	Trần Thị Hoa	Tươi	15/03/2004	Quảng Ngãi		
7	VHU.TAB1.05.322	221A371099	Phan Thị Thanh	Tươi	30/07/2004	Quảng Ngãi		
8	VHU.TAB1.05.323	201A030429	Đặng Nguyễn Thanh	Tuyền	26/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.324	211A110016	Đào Hà Tú	Uyên	23/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.325	221A370893	Nguyễn Duy	Uyên	26/09/2004	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.05.326	221A030827	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	25/02/2004	Đắk Lắk		
12	VHU.TAB1.05.327	201A030719	Phạm Đặng Trúc	Uyên	19/09/2002	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.05.328	221A030736	Võ Thanh	Vân	07/02/2003	Đồng Tháp		
14	VHU.TAB1.05.329	201A080162	Nguyễn Thị Trúc	Vân	17/02/2001	Đồng Nai		
15	VHU.TAB1.05.330	211A210171	Đoàn Công	Văn	28/12/2003	Quảng Ngãi		
16	VHU.TAB1.05.331	221A370109	Mai Thị Thảo	Vi	13/03/2004	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.05.332	211A210173	Nguyễn Thị Hà	Vi	04/10/2003	Lâm Đồng		
18	VHU.TAB1.05.333		Phan Văn	Việt	14/10/1998	An Giang		
19	VHU.TAB1.05.334	221A370992	Bành Thế	Vinh	06/03/2004	An Giang		
20	VHU.TAB1.05.335	231A180013	Đinh Đa	Vơ	23/08/2005	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.05.336	221A011246	Huỳnh Hoàng	Vũ	31/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.337	211A010093	Lê Quốc	Vững	26/09/2003	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.05.338	211A070038	Nguyễn Tấn	Vương	16/12/2002	Đồng Tháp		
24	VHU.TAB1.05.339	211A010056	Nguyễn Triệu	Vương	24/03/2003	Khánh Hoà		
25	VHU.TAB1.05.340	221A030125	Trần Nguyễn Yến	Vy	15/01/2004	An Giang		
26	VHU.TAB1.05.341	211A110012	Trần Thanh	Vy	15/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.342	221A050079	Phan Thị Hà	Vy	30/03/2004	Lâm Đồng		
28	VHU.TAB1.05.343	221A371160	Võ Hoàng Xuân	Vy	06/08/2004	Vĩnh Long		
29	VHU.TAB1.05.344	221A030326	Dương Thị Tường	Vy	09/03/2004	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.05.345	211A100064	Hồ Phương	Vy	02/03/2003	Vĩnh Long		
31	VHU.TAB1.05.346	211A030902	Nguyễn Thị Cẩm	Vy	21/05/2003	Tây Ninh		
32	VHU.TAB1.05.347	221A050390	Bùi Thị Như	Ý	09/10/2004	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.05.348	211A100013	Trần Thị Như	Ý	19/05/2003	Đồng Tháp		
34	VHU.TAB1.05.349	211A050133	Trần Thị Kim	Yến	27/09/2003	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.05.350	201A050091	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	27/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.05.351	201A030554	Dương Mỹ	Yến	15/04/2001	Cà Mau		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết